TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 29 - 4 - 2021

V/v: "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thanh Hòa;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn;

2. Bà Ngô Thị Mai Du.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 về việc: "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 23/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2021/QĐST-DS ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thiên N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Quảng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Cao C, sinh năm 1974 và bà Hồ Thị C, sinh năm 1976.

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm 5, thôn Hòa B, xã Nghĩa H, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông C, bà C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2017 vợ chồng ông Cao C và bà Hồ Thị C có mượn của bà số tiền 60.000.000 đồng để mua bột làm bánh mỳ và sửa nhà theo hợp đồng cho vay tiền ngày 02/3/2017 (âm lịch). Từ năm 2017 đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu ông

C, bà C trả tiền nhưng vợ chồng ông Cao C và bà Hồ Thị C không chịu trả tiền cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Cao C và bà Hồ Thị C phải trả cho bà số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), bà không yêu cầu trả tiền lãi.

- Tại biên bản làm việc ngày 25/2/2021 bị đơn trình bày:

Ông C, bà C hiện là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa H, huyện Tư Nghĩa. Ông C, bà C đồng ý công nhận có mượn của nguyên đơn bà Đinh Thị Thiên N số tiền là 60.000.000 đồng và công nhận chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 02/3/2017 (âm lịch) là của ông, bà. Nay bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền nợ 60.000.000 đồng ông C, bà C xin được trả dần vì hiện tại gia đình gặp khó khăn, không đủ điều kiện để trả một lần. Ông, bà có trả tiền lãi nhiều lần cho bà N nhưng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để giao nộp cho Tòa.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà không có lý. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 60.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Cao C và bà Hồ Thị C đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại Xóm 5, thôn Hòa B, xã Nghĩa H, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; ngoài ra không có địa chỉ cư trú nào khác nên Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã mượn là 60.000.000 đồng . Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp đòi lại tài sản" là đúng quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.3]. Về tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn:

Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[1.4]. Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không nhận định về thời hiệu.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Thiên Nga:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn là ông Cao C và bà Hồ Thị C có nợ của nguyên đơn theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 02/3/2017 (âm lịch) số tiền là 60.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ Luật dân sự 2015.

[2.2]. Đối với bị đơn ông Cao Chiến và bà Hồ Thị Công:

Tại biên bản làm việc ngày 25/02/2021 trình bày: Ông, bà hiện là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa H, huyện Tư Nghĩa. Ông C, bà C đồng ý công nhận có mượn của nguyên đơn bà Đinh Thị Thiên N số tiền là 60.000.000 đồng và công nhận chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 02/3/2017 (âm lịch) là của ông, bà. Tòa án đã ra thông báo số 97/TB-TA ngày 18/12/2020 yêu cầu bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ và giao nộp tại liệu chứng cứ nhưng bị đơn không thực hiện, đồng thời vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án chỉ xem xét, giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thiên N và buộc ông Cao C, bà Hồ Thị C trả số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Cao C, bà Hồ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Đinh Thị Thiên N số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0005615 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thiên N.

2.Buộc ông Cao C và bà Hồ Thị C phải trả lại cho bà Đinh Thị Thiên N số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu trả khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Cao C, bà Hồ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3.2. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Đinh Thị Thiên N số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0005615 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Hòa